

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Ký bởi: SỞ  
CÔNG  
THƯƠNG  
Ngày ký: 12-  
03-2026  
09:54:09  
+07:00

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

**ĐẾN** Số: 4184  
Ngày: 12/3/2026  
Chuyển: .....  
Số và ký hiệu hồ: 06/CÔNG TY TNHH STELLA FOOD GROUP/2026

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

SỐ: 06/CÔNG TY TNHH STELLA FOOD GROUP/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH STELLA FOOD GROUP

Địa chỉ: 26 Tô Hiến Thành, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0935897186 – 0906437006

Mã số doanh nghiệp: 4201986277 cấp ngày 18/9/2023.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 52/GCNATTP-SCT, ngày cấp 20/10/2023, nơi cấp Sở Công Thương Khánh Hòa.

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **MỨT DỪA VỊ CÀ PHÊ**

**DRIED COFFEE COCONUT FLAKES**

2. Thành phần: Dừa (63%), đường, kem béo, sữa đặc, bột cà phê hòa tan (1,8%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 20 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Khối lượng tịnh: 10 g, 15 g, 20 g, 30 g, 40 g, 50 g, 100 g, 110g, 200 g, 500 g hoặc theo yêu cầu khách hàng.

Đóng gói bằng túi PE, túi giấy hoặc theo yêu cầu khách hàng.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn dự kiến)**



THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
LIBRARY  
540 EAST 57TH STREET  
CHICAGO, ILL. 60637  
U.S.A.

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- 1. Chỉ tiêu kim loại nặng:** Theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- 2. Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- 3. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Theo Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
- 4. Chỉ tiêu vi sinh vật:** Theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12940:2020 Bánh nướng.
- 5. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12940:2020:** Bánh nướng.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**Võ Uyên Phương**

277-C  
NG TY  
NH  
LA FOOD  
ROUP  
G-T. KH

1900  
1901  
1902  
1903  
1904



## MẪU NHÃN DỰ KIẾN

### MỨT DỪA VỊ CÀ PHÊ DRIED COFFEE COCONUT FLAKES

Thành phần: Dừa (63%), đường, kem béo, sữa đặc, bột cà phê hòa tan (1,8%).

NSX: Xem trên bao bì.

Hạn sử dụng: 20 ngày kể từ ngày sản xuất

Bảo quản: Nơi thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp.

Khối lượng tịnh: 10 g, 15 g, 20 g, 30 g, 40 g, 50 g, 100 g, 110g, 200 g, 500 g hoặc theo yêu cầu khách hàng.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu lạ hoặc hết hạn sử dụng.

Số TCB: 06/CÔNG TY TNHH STELLA FOOD GROUP/2026

Sản xuất tại: Công ty TNHH Stella Food Group

Địa chỉ: 26 Tô Hiến Thành, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Xuất xứ: Việt Nam.

Hotline: (0258) 6280912



Bảng thành phần dinh dưỡng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
01	Năng lượng	kcal/100g	393.1 – 546
02	Protein	g/100g	3.6 – 5
03	Carbohydrat	g/100g	45.3 – 62.9
04	Đường tổng số	g/100g	42.5 – 59.1
05	Chất béo	g/100g	21.9 – 30.5
06	Natri	mg/100g	18.8 – 26.1



Số/No.: 2511038-6/KQ  
Trang/ Page: 1/3

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## TEST REPORT

Mã số/ Code : 2510368/KG  
Mã số mẫu/ : 2510715  
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH STELLA FOOD GROUP

Địa chỉ/ Address : 26 Tô Hiến Thành, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 17/10/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 05/11/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 17/10/2025 – 04/11/2025

Tên mẫu/ Name of sample : MÚT DỪA VỊ CÀ PHÊ  
DRIED COFFEE COCONUT FLAKES

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
- Mẫu thực phẩm đựng trong bao bì kín.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
Quality Manager



Nguyễn Thị Thanh Hằng

TỔNG GIÁM ĐỐC  
General Director



ThS. Hồ Phùng Tâm



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT
1	Năng lượng	Kcal/100g	TCVN 7088:2015	546
2	Carbohydrate (Không bao gồm xơ)	g/100g	SG.NB.HD.TN.020 (2019) (TCVN 4594:1988)	62,9
3	Protein (N×6,25)	g/100g	TKM-TN-204:2022 (*) (Ref. Fao Food 14/7, page 221-223)	5,03
4	Chất béo	g/100g	TKM-TN-205:2022 (*) (Ref. Fao Food 14/7, page 214)	30,5
5	Đường tổng	g/100g	TKM-TN-103:2019 (*) (Ref. TCVN 4594:1988)	59,1
6	Natri (Na)	mg/100g	AOAC 969.23	26,1
7	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật			
7.1	Chlorantraniliprole	mg/kg	QUATEST3 1184:2023	KPH (LOD = 0,005)
7.2	Chlorpyrifos	mg/kg	QUATEST3 1184:2023	KPH (LOD = 0,0025)
7.3	cyproconazole	mg/kg	QUATEST3 1184:2023	KPH (LOD = 0,005)
7.4	Endosulfan	mg/kg	QUATEST3 1184:2023	KPH (LOD = 0,01)
7.5	Sulfuryl fluoride	mg/kg	QUATEST3 1184:2023	KPH (LOD = 0,015)
8	Aflatoxin M1	µg/kg	TCVN 6685:2009 (*)	KPH (LOD = 0,03)
9	Aflatoxin B1	µg/kg	TCVN 10638:2014 (*)	KPH (LOD = 0,1)
10	Aflatoxin tổng	µg/kg	TCVN 10638:2014 (*)	KPH (LOD = 0,15)
11	Ochratoxin A	µg/kg	TKM-TN-245:2021 (*) (Ref. AOAC 2000.03, TCVN 9524:2012, TCVN 10928:2015)	KPH (LOD = 0,75)
12	Deoxynivalenol	µg/kg	TCVN 10929:2015 (*) (EN 15891:2010)	KPH (LOD = 50)
13	Zearalenone	µg/kg	TKM-TN-246:2021 (*) (Ref. TCVN 10640:2014)	KPH (LOD = 5)

Ghi chú: (\*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (\*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Chỉ tiêu thử nghiệm số 2, 7 thực hiện bởi thầu phụ/ Items No.2, 7 are tested by subcontractor.
- Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL tương ứng "không phát hiện" khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or 1 CFU/mL corresponding "Not detected" when the dishes examined contain no colonies.
- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

Số/No.: 2511038-6/KQ

Trang/ Page: 3/3

Mã số/ Code : 2510368/KG

Mã số mẫu/ : 2510715

Sample Code



## NUTRITION FACTS THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Serving Size/ Khẩu phần	100g
Amount Per Serving/ Hàm lượng cho mỗi khẩu phần	
<b>Calories/ Năng lượng</b>	<b>546</b>
% DV*/Phần trăm giá trị dinh dưỡng hàng ngày*	
Total Fat/ Tổng chất béo 30.5g	54.5%
Sodium/ Natri 26.1mg	1.31%
Carbohydrate/ Carbohydrate 62.9g	19.4%
Total Sugars/ Đường tổng 59.1g	
Protein/ Chất đạm 5.03g	

\*The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2.000 calories a day is used for general nutrition advice.

Giá trị phần trăm căn cứ trên 2.000 kcal/ngày. Giá trị hàng ngày của bạn có thể cao hơn hoặc thấp hơn tùy thuộc vào năng lượng mà cơ thể cần.



*TKM*



Số/ No.: VLAB0-251020-010/6

Ngày phát hành/ Issued date : 25/10/2025  
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng<sup>(1)</sup>/ Company: **CÔNG TY TNHH STELLA FOOD GROUP**  
Địa chỉ<sup>(1)</sup>/ Address: 26 Tô Hiến Thành, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving 20/10/2025  
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing 20/10/2025 đến 25/10/2025  
Tên mẫu<sup>(1)</sup>/ Sample Name **MỨT DỪA VỊ CÀ PHÊ**  
**DRIED COFFEE COCONUT FLAKES**  
Tình trạng mẫu/ State of sample Mẫu đựng trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025:2017)/ Item(s) are accredited (ISO/IEC 17025:2017)
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s)
  - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation
  - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
  - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
  - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test report is a unified whole, No part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

**PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
**OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY**



**Phạm Lê Tiến Khánh**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GENERAL DIRECTOR**

**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center:**  
**Hồ Chí Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City  
**Can Tho:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Ngày phát hành/ Issued date : 25/10/2025  
Trang/ Page : 2/2

### Kết quả result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/Enumeration of aerobic microorganism	9,0 x 10 <sup>1</sup>	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)
2.	Định lượng E.coli dương tính với β-glucuronidase/Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive	<10	CFU/g	-	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)
3.	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (Staphylococcus aureus và các loài khác)/Enumeration of coagulase-positive Staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)	<10	CFU/g	-	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023(a)
4.	Phát hiện Salmonella spp./Detection of Salmonella spp.	KPH/ND	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)
5.	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc/Total number of yeast and mold spores	<10	CFU/g	-	VLAB-MI-TP-125 (Ref. TCVN 8275-2 :2010) (a)
6.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/kg	0,05	AOAC 2015.01(a)
7.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/kg	0,015	AOAC 2015.01(a)
8.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/kg	0,03	AOAC 2015.01(a)
9.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	KPH/ND	mg/kg	0,02	AOAC 2015.01(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center:**

**Hồ Chí Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

**Can Tho:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

**Bac Lieu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau

479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4201986275

Đăng ký lần đầu, ngày 18 tháng 09 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 10 tháng 10 năm 2025

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH STELLA FOOD GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

26 Tô Hiến Thành, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0935897186

Số fax:

Thư điện tử: stellafoodgroup@gmail.com

Website:

**3. Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng.**

Bằng chữ: Một tỷ đồng

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ, chữ đệm và tên: VÕ UYÊN PHƯƠNG Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 03/12/1988 Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 079188002356

Địa chỉ liên lạc: 125/20 Phạm Văn Chí, Phường 03, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: VÕ UYÊN PHƯƠNG Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 03/12/1988 Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 079188002356

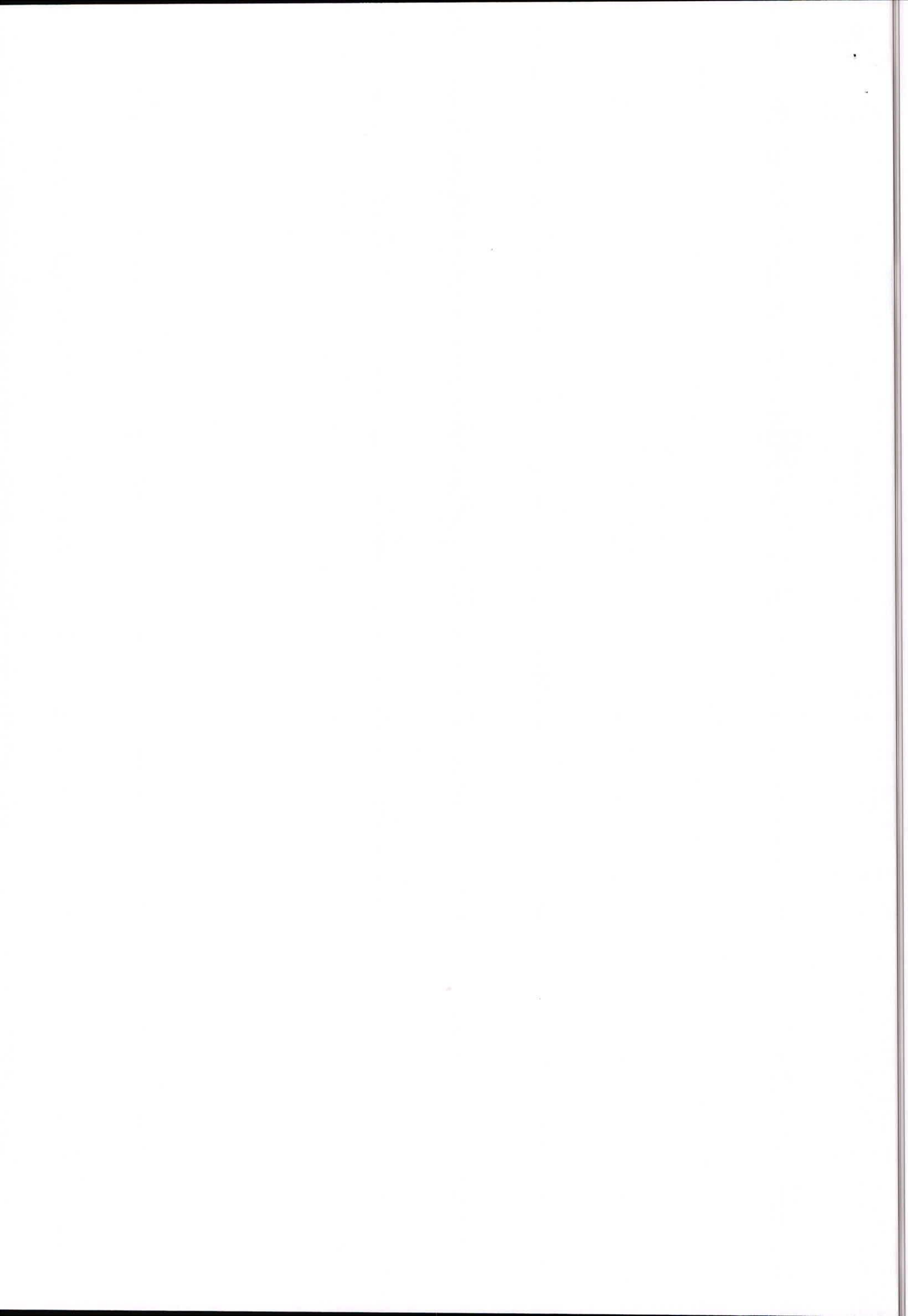
Chức danh:

Địa chỉ liên lạc: 125/20 Phạm Văn Chí, Phường 03, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

KI TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG  
QUẢN LÝ  
DOANH NGHIỆP

Phạm Thị Phương Thảo



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**  
**Chứng nhận**

**Cơ sở: CÔNG TY TNHH STELLA FOOD GROUP**

**Loại hình sản xuất, kinh doanh: Bánh**

**Chủ cơ sở: Bà Võ Uyên Phương**

**Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: 26 Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố  
Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.**

**Điện thoại: 0935897186**

**Fax:**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**  
(Các nhóm sản phẩm kinh doanh trong danh mục kèm theo)

*Khánh Hòa, ngày 20 tháng 10 năm 2023*

Số cấp: 52/GCNATTP-SCT,  
Giấy chứng nhận có hiệu lực  
đến ngày 19/10/2026

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Sanh Đương**



## DANH MỤC NHÓM SẢN PHẨM

(Kèm theo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 52/GCNATTP/SQT ngày 20/10/2023 của Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên nhóm sản phẩm
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
1	Bánh, mứt, keo